

**TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM**

Số: **5357**/VNPT-KTTC

V/v Công bố thông tin tài chính
hợp nhất năm 2015 của VNPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **7** tháng **10** năm 2016

Kính gửi:

- Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước, theo quy định tại Điều 18. Công bố báo cáo tài chính của doanh nghiệp "...Doanh nghiệp phải thực hiện công bố trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp báo cáo tài chính sáu (06) tháng và báo cáo tài chính năm (đã được kiểm toán), đồng thời gửi các báo cáo này đến cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện công bố theo quy định...", theo đó, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam hiểu rằng quy định này không bắt buộc công bố báo cáo tài chính hợp nhất và Tập đoàn đã báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông tin công bố báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2015 tại công văn số 2679/VNPT-KTTC ngày 31/5/2016.

Theo thông tin rà soát, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trên cơ sở số liệu tài chính hợp nhất năm 2015, Tập đoàn đã nộp và báo cáo Bộ TT&TT và Bộ Tài chính theo quy định của Nghị định 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013, Tập đoàn kính gửi các Quý Bộ bổ sung nội dung công bố về thông tin tài chính hợp nhất của Tập đoàn (*Phụ lục thông tin công bố kèm theo*).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng thành viên (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- KSV Tài chính VNPT;
- Ban KSNB, KTTC, VP;
- Lưu VT, KTTC, VHC.

AIS: **248752** - VBG

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
BỘ TỔNG GIÁM ĐỐC



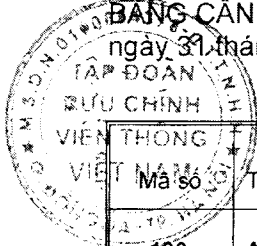
Tơ Mạnh Cường

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2015



Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	45.388.843	39.852.468
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.720.252	4.960.184
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.848.841	23.649.685
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7.336.642	8.622.981
140	IV. Hàng tồn kho	2.396.394	1.962.203
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	1.086.714	657.414
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	43.862.582	46.870.981
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	34.668	29.255
220	II. Tài sản cố định	37.716.382	41.670.135
230	III. Bất động sản đầu tư	17.393	25.238
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	3.871.087	2.912.434
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.702.911	1.829.558
260	VI. Tài sản dài hạn khác	520.141	404.361
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	89.251.425	86.723.449

Mã số	NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	24.897.831	22.673.175
310	I. Nợ ngắn hạn	22.880.361	20.137.670
330	II. Nợ dài hạn	2.017.469	2.535.506
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	64.353.594	64.050.273
410	I. Vốn chủ sở hữu	64.351.843	64.044.402
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.751	5.872
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	89.251.425	86.723.449

us

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014 (Trình bày lại)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.329.649	59.845.867
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	-38.061.071	-42.996.581
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.268.578	16.849.285
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.097.037	1.732.619
22	7. Chi phí tài chính	-505.867	-778.195
	8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.516	36.236
25	9. Chi phí bán hàng	-1.457.927	-5.006.469
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	-7.011.098	-6.519.152
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.445.239	6.314.324
40	12. (Lỗ)/lợi nhuận khác	8.216	58.429
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.453.454	6.372.753
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-831.467	-2.125.636
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-4.641	-7.490
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.617.346	4.239.627

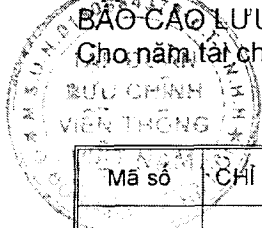
US

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	12.814.906	20.605.802
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	-8.911.975	-15.454.244
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	-2.155.847	-7.129.966
50	Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm	1.747.083	-1.978.408
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4.960.184	6.936.673
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	12.985	1.918
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	6.720.252	4.960.184

uk